

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Bùi Đức Thuận.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:** Ông Bạch Nam Chu Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 132/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990; CCCD số: 052190013169 (Vắng mặt, có đơn).

Trú tại: Tổ A, khối H, xã T, tỉnh Gia Lai

- **Bị đơn:** Ông Thái Công L, sinh năm 1987; CCCD số: 052087008544 (Vắng mặt lần 02).

- Trú tại: Thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: bà và ông Thái Công L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện T, tỉnh Bình Định cũ vào ngày 02/4/2021. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ tháng

11/2024 đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì, bà yêu cầu ly hôn ông L.

Về con chung: bà và ông Thái Công L chưa có con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là ông Thái Công L vắng mặt không có L do: ông Thái Công L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ L vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 30/10/2025 Công an xã BA cung cấp: ông Thái Công L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã BA, tỉnh Gia Lai; ông L chưa cắt khẩu đi nơi khác; ông Thái Công L đi làm, vẫn về sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ L đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Thái Công L. Về con chung: Chưa có con chung - miễn xét; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Thái Công L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Thái Công L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT (cũ) vào ngày 02/4/2021 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Hai bên đã cắt đứt quan hệ,

phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 11/2024 đến nay. Vợ chồng xa cách đã lâu, nhưng hai bên vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chưa có con chung nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Thái Công L.

- Về con chung: Chưa có nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0004867 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; bà T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- THA dân sự khu vực 4;
- UBND xã Bình An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam